

UBND QUẬN TÂN BÌNH
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **788** /GDĐT-TĐKT
V/v thông báo dự thảo bảng chấm điểm
thi đua đối với các trường
năm học 2020-2021

Tân Bình, ngày **14** tháng 6 năm 2021

Kính gửi:

- Hiệu trưởng các trường MN, TiH, THCS (CL và NCL);
- Hiệu trưởng trường Bồi dưỡng giáo dục quận.

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 11 tháng 8 năm 2013 của Bộ Khoa học Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định Điều lệ sáng kiến (theo Nghị định 12/2012/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ Nội vụ về bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Công văn số 77/UBND-VX ngày 09 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện một số nội dung về công tác thi đua, khen thưởng tại Thành phố theo Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ;

Căn cứ vào nội dung của Hội đồng Thẩm định kết quả hoạt động (HĐTĐKQHĐ) Phòng Giáo dục và Đào tạo vào ngày 04 tháng 6 năm 2021 và 11 tháng 6 năm 2021 về việc rà soát, chấm điểm thi đua năm học 2020-2021 đối với các trường.

Phòng Giáo dục và Đào tạo thông báo Bảng dự thảo biểu điểm đánh giá thi đua năm học 2020-2021 của HĐTĐKQHĐ Phòng Giáo dục và Đào tạo đến các trường. Đề nghị Hiệu trưởng các trường rà soát, kiểm tra kỹ thang điểm chấm của từng bộ phận; nếu có thắc mắc, kiến nghị xem xét lại về biểu điểm chấm, Hiệu trưởng nhà trường thực hiện văn bản gửi về Phòng Giáo dục và Đào tạo; nơi nhận: Ông Nguyễn Hữu Nghị, chuyên viên phụ trách thi đua (kèm minh chứng nếu có).

Thời gian để các trường thực hiện rà soát và phản hồi về Phòng Giáo dục và Đào tạo: Hạn chót **trước 15g00 ngày 16 tháng 6 năm 2021**.

Sau thời gian trên, nếu các trường không có ý kiến, phản hồi xem như đã thống nhất với biểu điểm chấm; mọi thắc mắc, khiếu nại về sau sẽ không giải quyết (nếu có).

Lưu ý:

- Biểu điểm đánh giá thi đua đối với các trường sẽ là một trong những căn cứ để xem xét đề nghị danh hiệu thi đua tập thể lao động tiên tiến, lao động xuất sắc, các danh hiệu thi đua cá nhân và các danh hiệu cấp cao đối với các trường năm học 2020-2021.

- Khi Hiệu trưởng thực hiện văn bản phản hồi, kèm minh chứng phải đảm bảo tính xác thực, chính xác. Nếu minh chứng không đúng, không đảm bảo nội dung phản ánh Hiệu trưởng sẽ chịu trách nhiệm trước Ban lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo khi xem xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học đối với trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị trong thời gian tới.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Hiệu trưởng các trường quan tâm thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐTDKQHĐ P.GDĐT (các thành viên);
- BLĐ P.GDĐT;
- Lưu: VT, Nghị.



TRƯỞNG PHÒNG

Trần Khắc Huy

(DỰ THẢO)

BẢNG TỔNG HỢP CHẤM ĐIỂM THI ĐUA CỦA HỌTĐKQHĐ PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2020-2021

TT	Trường	Thuộc cụm thi đua	Công tác cán bộ, chế độ, chính sách	Công tác Tài chính	Công tác Thi đua	Kiểm tra giải quyết KNTC	Công tác Pháp chế	Công tác Chuyên môn	Công tác Kiểm định CLGD	Công tác Y tế	Tham gia BHYT %	Điểm trừ BHYT
			PGD	PGD	PGD	PGD	PGD	PGD	PGD	PGD		
1	MN1	23	85.5	83	90	90	90	87	90	90		
2	MN 1A	23	90	97.5	98	98	99	98.5	100	100		
3	MN 2	22	88	97	98	95	96	99	98	99.5		
4	MN 3	24	91	97	99	98	98	99	100	100		
5	MN 4	26	90	97	97	97	97	97	98	98.5		
6	MN 5	24	90	97	98	98	97	97	98	99.5		
7	MN 6	24	88	96	98	97	98	99	100	99		
8	MN 7	24	91	95	98	98	99	96	95	99.5		
9	MN 8	24	90	96	97	97	98	99	98	100		
10	MN 9	25	89	95	98	97	96	95	98	98.25		
11	MN 10	26	90	97	98	96.5	98	98.5	100	99		
12	MN 10A	26	89	95	97	97	98	97	100	100		
13	MN 11	27	89	97	96	99	98	99	100	96.5		
14	MN 12	25	91	97	98	97	98	98	99	96		
15	MN 13	26	90	96	99	98.5	100	99.5	99	99		
16	MN 14	27	90	98	99	98	99	99.5	100	99		
17	MN 15	27	88.5	96	98	98	97	99	100	99.5		
18	MN TSN	23	90.5	95	97	95	98	98	99	99.5		
19	MNKD	23	90	97	98	97	98	99	99	100		
20	MN Quận	24	91	97	97	98	98	97	98	100		
21	MNTX	23	89	96	97	97	99	99	98	100		
22	MNPH	27	89.5	97	98	97	97	99	100	99.5		
23	MNVH	26	86.5	97	98	98	98	98	100	99.5		



Đạt

TT	Trường	Thuộc cụm thi đua									Tham gia BHYT %	Điểm trừ BHYT
			Công tác cán bộ, chế độ, chính sách	Công tác Tài chính	Công tác Thi đua	Kiểm tra giải quyết KNTC	Công tác Pháp chế	Công tác Chuyên môn	Công tác Kiểm định CLGD	Công tác Y tế		
			PGD	PGD	PGD	PGD	PGD	PGD	PGD	PGD		
24	MNHM	25	91	96	98	96	98	99	100	100		
25	MNBC	27	90	95	99	98	98	98	98	99.5		
26	MNTTN	27			97	96	96	95	97	98.5		
27	LVS	20	89	97	100	99	99	98.5	98	99.1	100%	/
28	NTT	20	91	99	99	99	100	98.5	98	99.5	100%	/
29	TSN	20	89	97	98	99	98	95	97	99.5	96.14%	/
30	BG	21	89	96	98	96	97	96.5	97	98	96.44%	/
31	HVT	22	90.5	95	98	98	95	96.5	98	98.5	95.33%	/
32	PVH	22	89	95	98	98	95	96	97	98.7	74.66%	-1.5
33	CL	21	89	97	98	98	96	97	98	99.4	98.38%	/
34	BĐ	22	87	95	97	95.5	98	96	98	90	99.80%	/
35	ĐĐ	20	91.5	96	98	98	98	99	98	100	100%	/
36	BVT	22	90	97	98	96	98	97	97	99.6	100%	/
37	TVO	21	84	90	93	90	98	94	95	95.7	86.96%	-1
38	LLQ	20	89.5	95	98	97	99	95	98	99	95.48%	/
39	NH	20	89	97	97	97	97	96.5	97	99.3	91.70%	-0.5
40	LTHG	21	91.5	96	98	96	98	98.5	99	100	93.22%	-0.5
41	PTH	21	87.5	92	98	98	99	96.5	99	99.5	85.83	-1
42	NVT	20	88	95	98	95	98	96	98	100	96.44%	/
43	NK	20	88	97	98	97	99	94	96	100	100%	/
44	CMT8	21	87	95	96	99	98	96.5	96	99	100%	/
45	TQTu	21	91	96	98	96	98	98.5	97	99	98.06%	/
46	YT	22	90.5	98	98	96	97	97.5	98	99	100%	/
47	TNT	22	89.5	95	99	96	99	93.5	97	99.5	86.38%	-1
48	SC	22	86	93	97	95	97	93.5	96	99.5	100%	/
49	TQTu	21	86.5	96	98	96	97	97	96	97.7	95.40%	/
50	TT	21	88.5	96	98	96	100	97	99	100	99.02%	/
51	NVK	21	88.5	91	97	96	97	95.5	96	99	99.46%	/
52	PHI	21	90	97	98	98	98	97	97	99.5	97.17%	/
53	LTV	22	/	100	97	99	95	97	99	99.2	100%	/

TT	Trường	Thuộc cụm thi đua	Công tác cán bộ, chế độ, chính sách	Công tác Tài chính	Công tác Thi đua	Kiểm tra giải quyết KNTC	Công tác Pháp chế	Công tác Chuyên môn	Công tác Kiểm định CLGD	Công tác Y tế	Tham gia BHYT %	Điểm từ BHYT
			PGD	PGD	PGD	PGD	PGD	PGD	PGD	PGD		
54	NSL	19	87.5	99	98	96	96	96	99	99	86.73%	-1
55	AL	19	88.5	95	98	94	98	95	98	99.5	96.84%	/
56	TB	19	88	94	97	98	98	98.5	99	90.5	89.06%	-1
57	TVĐ	19	89	97	97	95	97	95	98	90	98.99%	/
58	NGT	19	85	98	98	95	99	97	99	97.5	98.70%	/
59	QT	19	86	94	98	93	98	97	98	99	99.41%	/
60	LTK	19	87	95	98	98	98	95	98	99.25	100%	/
61	PNT	19	86	96	98	93	95	96	98	99.5	96.70%	/
62	TVQ	19	88	95	98	95	96	97	98	99	93.57%	-0.5
63	VVT	19	89	100	98	99	99	97.5	98	100	95%	/
64	TC	19	88	98	97	97	94	95.5	98	93	89.01%	-1
65	NQ	19	86	90	98	91	95	95	98	96.2	93.63%	-0.5
66	HHT	19	87	99.0	98.0	95.5	98.0	97.0	99	98.5	90%	-0.5
67	BDGD	19	91	100	99	99	99	98	99	/		

✓

Từ 95 điểm trở lên: xếp loại xuất sắc
 Từ 90 đến dưới 95 điểm: xếp loại tốt
 Từ 85 đến dưới 90 điểm: xếp loại khá
 Từ 80 đến dưới 85 điểm: xếp loại trung bình
 Dưới 80 điểm: yếu



